

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI VIỆT NGÀ



Atlas 300 loài chim thuộc bộ *Sẻ* của Việt Nam

SPECIES IN PASSERIFORMES OF VIETNAM

PHẠM HỒNG PHƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ - 2020

TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI VIỆT - NGA

PHẠM HỒNG PHƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ - 2020



Bản quyền sách thuộc về Tác giả và Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga.
Mọi hình thức sao chép, in ấn, xuất bản phải được sự đồng ý của tổ chức và cá nhân có tác quyền.

LỜI CẢM ƠN

“Atlas 300 loài chim thuộc bộ Sẻ của Việt Nam” là cuốn sách giới thiệu bộ sưu tập ảnh về 300 loài chim của 44 họ thuộc bộ Sẻ hiện đang phân bố tại Việt Nam. Đây là sản phẩm của kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài Ủy Ban phối hợp Việt - Nga ***“Nghiên cứu tổ chức cấu trúc - chức năng của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới phục vụ bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững – E1.2”*** do Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga thực hiện tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu phân bố loài và sinh cảnh nhiều hệ sinh thái khác của Việt Nam.

Để hoàn thành cuốn Atlas này tác giả xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga, Viện Sinh thái Nhiệt đới/Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ quan và địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ trong việc thực hiện các chuyến nghiên cứu dã ngoại thu thập dữ liệu ảnh.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các chuyên gia nghiên cứu về chim trong và ngoài nước đã giúp đỡ hiệu chỉnh định loại. Trong quá trình thu thập dữ liệu hình ảnh về các loài chim ở Việt Nam, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của các đồng nghiệp và anh chị em yêu chim trên khắp các vùng miền của cả nước. Tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Cuối cùng, xin cảm ơn gia đình, vợ và các con đã động viên, chia sẻ trong thời gian rất dài để tác giả thực hiện công tác thực địa.

Tác giả



HONGPHUONG

Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, với các điều kiện địa hình, khí hậu, thủy văn phân hóa phức tạp. Đặc điểm đó là cơ sở rất thuận lợi để giới sinh vật phát triển đa dạng về thành phần loài. Vì vậy, Việt Nam đã được đánh giá là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học cao, với nhiều kiểu hệ sinh thái, các loài sinh vật, nguồn gen phong phú và đặc hữu.

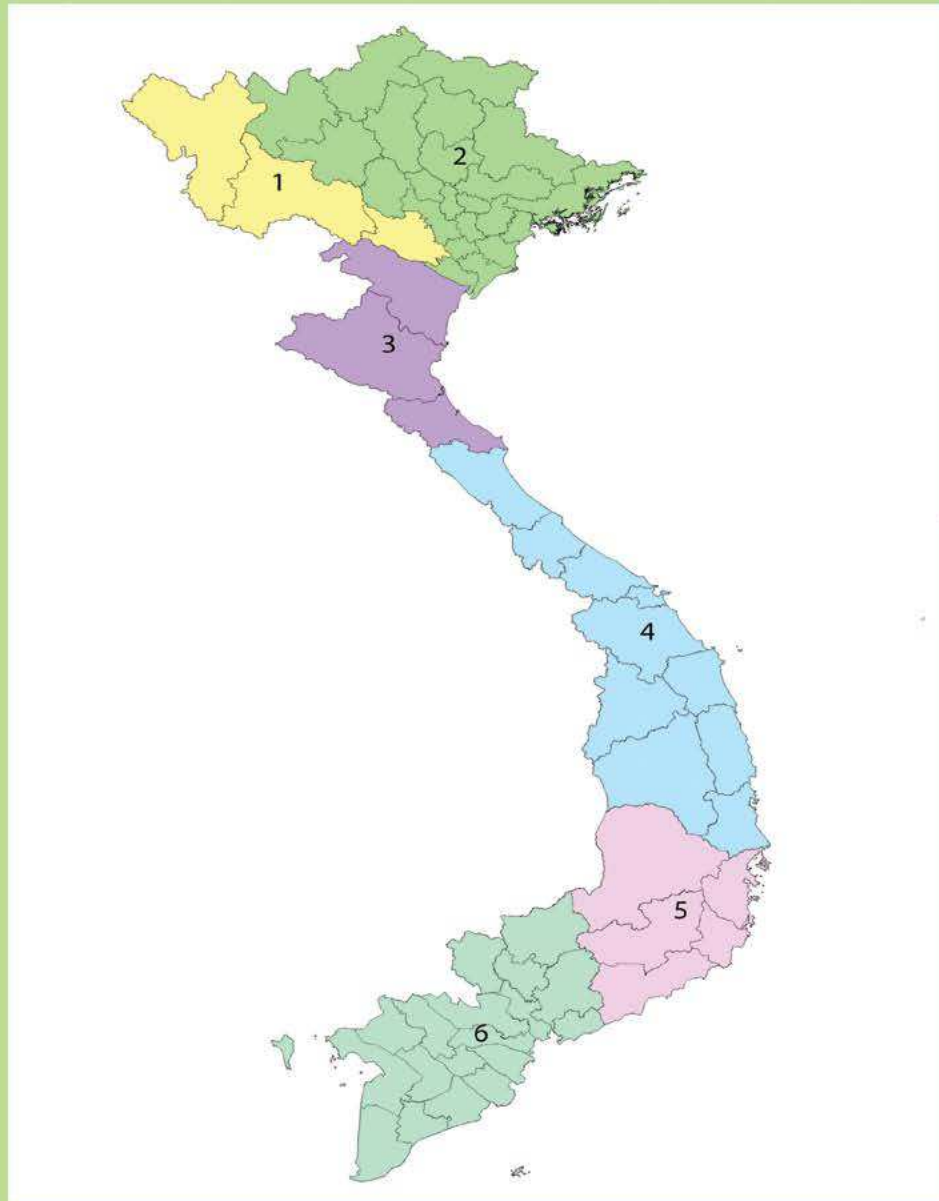
Hiện nay, trên thế giới và Việt Nam đã có nhiều công trình công bố kết quả nghiên cứu và định loại chim của các nhóm tác giả trong và ngoài nước. Theo số liệu thống kê mới nhất Việt Nam có hơn 900 loài chim được ghi nhận và công bố. Đã có những tài liệu công bố chuyên sâu về định loại bằng hình ảnh các loài chim trong thiên nhiên ở các dạng sinh cảnh, các hệ sinh thái, các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia.

Nhằm giới thiệu về khu hệ chim của Việt Nam, tác giả Phạm Hồng Phương đã ghi nhận 300 loài chim thuộc 44 họ trong bộ Sẻ và được công bố trong cuốn ***Atlas 300 loài chim thuộc bộ Sẻ của Việt Nam (Atlas 300 species in Passeriformes of Vietnam)***. Mỗi loài được tác giả sử dụng ít nhất 3 ảnh chụp trực tiếp từ thiên nhiên, ở các hệ sinh thái khác nhau trên toàn quốc. Ảnh chụp các loài chim ở nhiều trạng thái khác nhau như đang kiếm ăn, bắt mồi, bay hay di chuyển,... Mỗi loài được tác giả cung cấp tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học, hiện trạng và sinh cảnh sống, cấp độ bảo tồn. Những thông tin quý giá này giúp người đọc tra cứu và so sánh với các tài liệu khác trong quá trình nghiên cứu.

Đây là công trình với khối lượng công việc lớn đã được tác giả thực hiện trong gần 10 năm, từ thu thập ảnh trên thực địa, xử lý thông tin và sắp xếp hợp lí. Các bức ảnh đẹp của 300 loài chim thuộc bộ Sẻ được tác giả chụp ở nhiều góc độ khác nhau. Cuốn Atlas này đóng góp một phần không nhỏ vào việc nhận thức của cộng đồng về giá trị cũng như ý nghĩa của các loài chim đối với cuộc sống của con người.

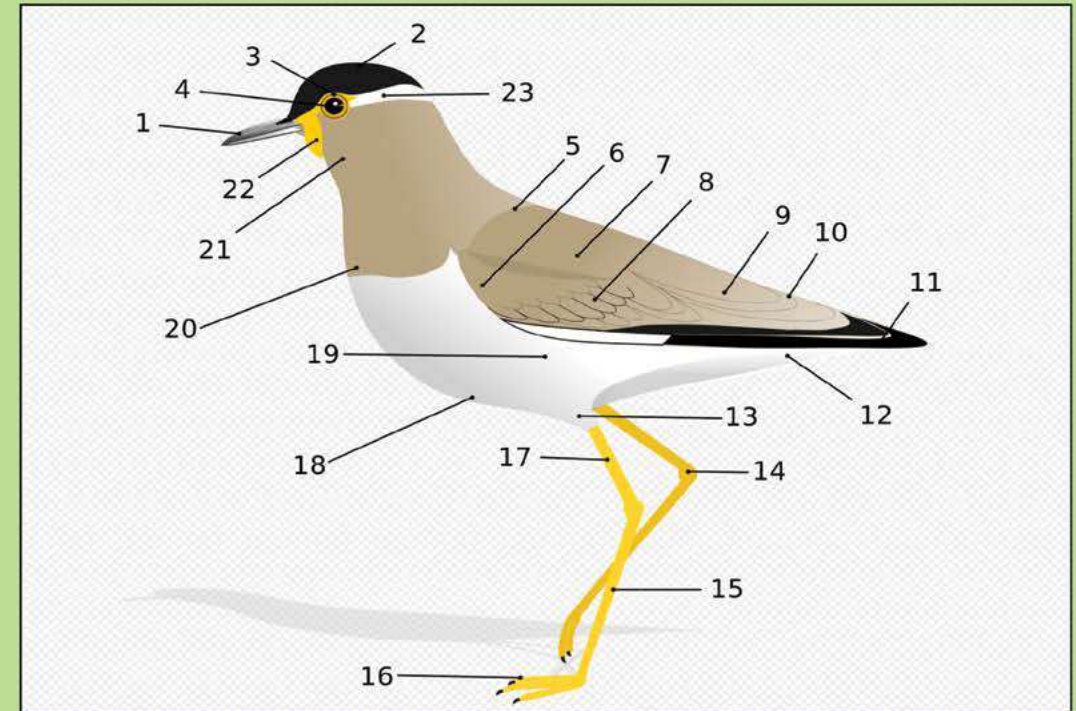
Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ trân trọng giới thiệu cuốn Atlas ***“300 loài chim thuộc bộ Sẻ của Việt Nam”*** đến bạn đọc. Hy vọng cuốn Atlas này là tài liệu quý cho những người nghiên cứu, yêu quý thiên nhiên.

Bản đồ các vùng phân bố chim của Việt Nam



- | | | |
|-------------------|-----------------|-----------------|
| 1: Tây Bắc Bộ | 2: Đông Bắc Bộ | 3: Bắc Trung Bộ |
| 4: Trung Trung Bộ | 5: Nam Trung Bộ | 6: Nam Bộ |

Cấu tạo hình thái bên ngoài của chim (Theo Wikibook):



- 1: Mỏ, 2: Đầu, 3: Mống mắt, 4: Đồng tử, 5: Lớp lông cứng cánh, 6: Lông bao cánh nhỏ, 7: Lông vai, 8: Lông bao cánh giữa, 9: Lông cánh bả, 10: Phao câu, 11: Lông cánh sơ cấp, 12: Hậu môn, 13: Đùi, 14: Khớp cổ chày-chân, 15: Xương cổ chân, 16: Bàn chân, 17: Xương chày, 18: Bụng, 19: Sườn, 20: Úc, 21: Cổ, 22: Yếm

TT	TÊN TIẾNG VIỆT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN LA TINH	TRANG
I	HỌ BẠC MÁ		Paridae	
1	Bạc má	Great Tit	<i>Parus major</i> (Linnaeus, 1758)	22
2	Bạc má bụng vàng	Green - backed Tit	<i>Parus monticolus</i> (Vigors, 1831)	23
3	Bạc má mào	Yellow - cheeked Tit	<i>Parus spilonotus</i> (Bonaparte, 1850)	24
4	Bạc má mào vàng	Sultan Tit	<i>Melanochlora sultanea</i> (Hodgson, 1837)	25
5	Bạc má rừng	Yellow - browed Tit	<i>Sylviparus modestus</i> (Burton, 1836)	26
II	HỌ BẠC MÁ ĐUÔI DÀI		Aegithalidae	
6	Bạc má đuôi dài	Black - throated Tit	<i>Aegithalos concinnus</i> (Gould, 1855)	27
7	Bạc má đuôi dài đầu xám	Grey Crowned Tit	<i>Aegithaliscus annamensis</i> Robinson & Kloss, 1919	28
III	HỌ BÁCH THANH		Laniidae	
8	Bách thanh đuôi dài	Long - tailed Shrike	<i>Lanius schach</i> (Linnaeus, 1758)	29
9	Bách thanh lưng xám	Grey - backed Shrike	<i>Lanius tephronotus</i> (Vigors, 1831)	30
10	Bách thanh mày trắng	Brown Shrike	<i>Lanius cristatus</i> (Linnaeus, 1758)	31
11	Bách thanh nhỏ	Burmese Shrike	<i>Lanius collurioides</i> (Lesson, 1834)	32
12	Bách thanh vằn	Tiger Shrike	<i>Lanius tigrinus</i> (Drapiez, 1828)	33
IV	HỌ CHÀO MÀO		Pycnonotidae	
13	Bông lau họng vạch	Stripe - throated Bulbul	<i>Pycnonotus finlaysoni</i> (Strickland, 1844)	34
14	Bông lau mày trắng	Yellow - vented Bulbul	<i>Pycnonotus goiavier</i> (Scopoli, 1786)	35
15	Bông lau ngực nâu	Brown - breasted Bulbul	<i>Pycnonotus xanthorrhous</i> (Anderson, 1869)	36
16	Bông lau tai trắng	Sooty - headed Bulbul	<i>Pycnonotus aurigaster</i> (Vieillot, 1818)	37
17	Bông lau tai vằn	Streak - eared Bulbul	<i>Pycnonotus blanfordi</i> (Jerdon, 1862)	38
18	Bông lau trung quốc	Light - vented Bulbul	<i>Pycnonotus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	39
19	Bông lau vàng	Flavescent Bulbul	<i>Pycnonotus flavesces</i> (Blyth, 1845)	40
20	Cành cách đen	Black Bulbul	<i>Hypsipetes leucocephalus</i> (Gmelin, 1789)	41

TT	TÊN TIẾNG VIỆT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN LA TINH	TRANG
21	Cành cạch hung	Chestnut Bulbul	<i>Hemixos castanonotus</i> (Swinhoe, 1870)	42
22	Cành cạch lớn	Puff - throated Bulbul	<i>Alophoixus pallidus</i> (Swinhoe, 1870)	43
23	Cành cạch nhỏ	Grey - eyed Bulbul	<i>Iole propinqua</i> (Oustalet, 1903)	44
24	Cành cạch núi	Mountain Bulbul	<i>Ixos mcclellandii</i> (Horsfield, 1840)	45
25	Cành cạch xám	Ashy Bulbul	<i>Hemixos flavala</i> (Blyth, 1845)	46
26	Chào mào vàng mào đen	Black - crested Bulbul	<i>Pycnonotus melanicterus</i> (Gmelin, 1789)	47
27	Chào mào	Red - whiskered Bulbul	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	48
V	HỌ CHÈO BÉO		Dicruridae	
28	Chèo béo bờm	Hair - crested Drongo	<i>Dicrurus hottentottus</i> (Linnaeus, 1766)	49
29	Chèo béo cờ đuôi chẻ	Greater Racket - tailed Drongo	<i>Dicrurus paradiseus</i> (Linnaeus, 1766)	50
30	Chèo béo đen	Black Drongo	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	51
31	Chèo béo rừng	Bronzed Drongo	<i>Dicrurus aeneus</i> (Vieillot, 1817)	52
32	Chèo béo xám	Ashy Drongo	<i>Dicrurus leucophaeus</i> (Vieillot, 1817)	53
VI	HỌ CHÌA VÔI		Motacillidae	
33	Chìa vôi đầu vàng	Citrine Wagtail	<i>Motacilla citreola</i> (Pallas, 1776)	54
34	Chìa vôi núi	Gray Wagtail	<i>Motacilla cinerea</i> (Tunstall, 1771)	55
35	Chìa vôi rừng	Forest Wagtail	<i>Dendronanthus indicus</i> (Gmelin, 1789)	56
36	Chìa vôi trắng	White Wagtail	<i>Motacilla alba</i> (Linnaeus, 1758)	57
37	Chìa vôi vàng	Western Yellow Wagtail	<i>Motacilla flava</i> (Linnaeus, 1758)	58
38	Chim manh họng đỏ	Red - throated Pipit	<i>Anthus cervinus</i> (Pallas, 1811)	59
39	Chim manh lớn	Richard's Pipit	<i>Anthus richardi</i> (Vieillot, 1818)	60
40	Chim manh vân nam	Olive - backed Pipit	<i>Anthus hodgsoni</i> (Richmond, 1907)	61
41	Chim manh	Paddyfield Pipit	<i>Anthus rufulus</i> (Vieillot, 1818)	62
VII	HỌ CHÍCH		Acrocephalidae	
42	Chích mỏ rộng	Thick - billed Warbler	<i>Iduna aedon</i> (Pallas, 1776)	63

TT	TÊN TIẾNG VIỆT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN LA TINH	TRANG
VIII	HỌ CHÍCH BỤI		Cettiidae	
43	Chích chân khỏe	Brownish - flanked Bush Warbler	<i>Horornis fortipes</i> (Hodgson, 1845)	64
44	Chích á châu	Asian Stubtail	<i>Urosphena squameiceps</i> (Swinhoe, 1863)	65
45	Chích đớp ruồi bụng vàng	Yellow - bellied Warbler	<i>Abroscopus superciliaris</i> (Blyth, 1859)	66
46	Chích đớp ruồi mặt đen	Black - faced Warbler	<i>Abroscopus schisticeps</i> (Gray, 1846)	67
47	Chích đớp ruồi mặt hung	Rufous - faced Warbler	<i>Abroscopus albogularis</i> (Hodgson, 1854)	68
48	Chích đuôi cụt bụng vàng	Chestnut - headed Tesia	<i>Cettia castaneocoronata</i> (Burton, 1836)	69
49	Chích đuôi cụt bụng xanh	Grey - bellied Tesia	<i>Tesia cyaniventer</i> (Hodgson, 1837)	70
50	Chích vân nam	Pale - footed Bush Warbler	<i>Urosphena pallidipes</i> (Blanford, 1872)	71
IX	HỌ CHÍCH ĐẦM LẦY		Locustellidae	
51	Chích đầm lầy lớn	Pallas's Grasshopper - Warbler	<i>Locustella certhiola</i> (Pallas, 1811)	72
X	HỌ CHÍCH BỤNG VÀNG		Acanthizidae	
52	Chích bụng vàng	Golden - bellied Gerygone	<i>Gerygone sulphurea</i> (Wallace, 1864)	73
XI	HỌ CHÍCH LÁ		Phylloscopidae	
53	Chích bụng trắng	Radde's Warbler	<i>Phylloscopus schwarzi</i> (Radde, 1863)	74
54	Chích chân xám	Pale - legged Leaf Warbler	<i>Phylloscopus tenellipes</i> (Swinhoe, 1860)	75
55	Chích đớp ruồi má xám	Grey - cheeked Warbler	<i>Seicercus poliogenys</i> (Blyth, 1847)	76
56	Chích đớp ruồi mày đen	White - spectacled Warbler	<i>Seicercus affinis</i> (Hodgson, 1854)	77
57	Chích đuôi xám	Blyth's Leaf Warbler	<i>Phylloscopus reguloides</i> (Blyth, 1842)	78
58	Chích gáy xám	Grey - crowned Warbler	<i>Phylloscopus tephrocephalus</i> (Anderson, 1871)	79
59	Chích hông vàng	Pallas's Leaf Warbler	<i>Phylloscopus proregulus</i> (Pallas, 1811)	80
60	Chích mày lớn	Yellow - browed Warbler	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)	81
61	Chích mày vàng	Eastern - Crowned Warbler	<i>Phylloscopus coronatus</i> (Temminck & Schlegel, 1847)	82
62	Chích nâu	Dusky Warbler	<i>Phylloscopus fuscatus</i> (Blyth, 1842)	83
63	Chích phương bắc	Arctic Warbler	<i>Phylloscopus borealis</i> (Blasius, 1858)	84
XII	GIÁ ĐỚP RUỒI		Stenostiridae	
64	Đớp ruồi đầu xám	Gray - headed Canary - Flycatcher	<i>Culicicapa ceylonensis</i> (Swainson, 1820)	85